

ID VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD2+GTCl	7:25	16+4+0	0+0+0		14+6+2	0+0+0	
2		TD3+RP3	7:25	20+0	0+0		14+5	0+0	
3		P2+P9+P6	9:25	12+8+0	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
4		TD3+ClO+TD5	9:25	5+10+3	0+0+0		0+11+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 29/07/2025	TO: TD5 - TD2 - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
VSP FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1		VNHS FLIGHT: TM25/2837	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYEN THANH HIÊU	TD5	22-24	3	15			82	KHOAN	Vietnamese
2	CHUSH MAKSIM	TD5	25	1	8			100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	26	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN SỰ	TD5						81	KHOAN	Vietnamese
5	VY HÙNG CUÔNG	TD5	28	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
6	MAI TRƯỜNG-TRUNG	TD5	18	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN ANH	TD5	20	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN MANH	TD5	27	1	5			57	DMC-MI	Vietnamese
9	HA VAN PHUC	TD5	15-16	2	8			77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LINH	TD5	21	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
11	DINH VAN HOAI	TD5	29	1	2			60	PSV	Vietnamese
12	ILASHENKO	TD5						76	ANTOAN	Russian
13	PHI THANH HÔNG	TD5	30	1	7			70	CODIEN	Vietnamese
14	VU ĐINH GIANG	TD5	17	1	11			65	PSV	Vietnamese
15	HO VAN ANH	TD5						76	PSV	Vietnamese
16	VUÔNG ĐINH ĐÔNG	TD5	19	1	5			95	PSV	Vietnamese
17	TANG TIEN TOAN	TD2	68	1	12	1	16	80	DVL	Vietnamese
18	LÊ DUY HUYNH	TD2	66-67	2	23			67	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VIỆT HÙNG	TD2	63-64	2	17			65	DVL	Vietnamese
20	BUI HUY BĂNG	TD2	65	1	16			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	16	1.194	16	91	0	0	14		
2	TD2	4	281	6	68	1	16	6		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.475	22	159	1	16	22		
WEIGHT KG			1.475		159		16			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2025	TO: TD3 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
VSP FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - SON - DTÙNG	ETA: 09:25
CAM - 1		VNHS FLIGHT: TM25/2839	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	GUSEINOV MAXIM	TD3	47	1	5			79	KHOAN	Russian
2	BUI HUU VUNG	TD3	69	1	7			90	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	61	1	8			103	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VAN KIEM	TD3	62	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
5	DO THANH HAI	TD3	67-68	2	8			103	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM TRUONG ANH	TD3	65	1	2			92	KHOAN	Vietnamese
7	VU TOAN THANG	TD3	66	1	9			76	KHOAN	Vietnamese
8	LAI THE DAT	TD3	48-49	2	16			92	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HAI NAM	TD3				2	30	70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN MINH THANG	TD3	64	1	4			127	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CAO HOANG	TD3	59-60	2	9			77	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM TIEN CHUNG	TD3	63	1	4			92	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN MACH CUONG	TD3	50	1	11			75	XAYLAP	Vietnamese
14	DUONG VAN NGUYEN	TD3						64	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐINH ĐỨC QUẢN	TD3	51	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	TD3	56-57	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG VINH	TD3	55	1	9	1	22	78	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN TIẾN TRƯỜNG	TD3	52	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN NAM	TD3	53	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ THANH CHÂU	TD3	58	1	5			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	20	1.632	22	154	3	52	14		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	1.632	22	154	3	52	19		
WEIGHT KG			1.632			154	52			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SON



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2025	TO: P2 - P9 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
VSP FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:40
VANG-2		VNHS FLIGHT: TM25/2838	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐÌNH VINH	P2	83	1	10	1	12	67	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ XUÂN CHINH	P2	89	1	9	1	17	66	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH SƠN	P2	88	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG MINH HIẾU	P2	96-97	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	P2	98-99	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUẤN	P2	93	1	14			77	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VĂN SƠN	P2	90	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÌNH VĂN TẾ	P2	85	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ VĂN SƠN	P2	94-95	2	18			51	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KIM HÀ	P2	81	1	9	1	12	62	XAYLAP	Vietnamese
11	LẠI HUY CƯỜNG	P2	91-92	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC VĂN	P2	86-87	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	P9	63-64	2	18			81	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KIẾN	P9	72	1	10	1	19	74	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P9	74	1	10	1	11	65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HÙNG	P9	68	1	10	1	11	77	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ BA TUẤN	P9	76-77	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	P9	66	1	10	1	14	72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	65	1	15	1	14	93	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN VIỆT	P9	70	1	10	1	14	68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	12	804	17	176	3	41	8		
2	P9	8	596	10	100	6	83	4		
3	P6	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		20	1.400	27	276	9	124	22		
WEIGHT KG			1.400		276		124			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐÀO NGỌC PHÚ

Chốt hàng lên ghi



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2025	TO: TD3 - CLO - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
VSP FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - SON - DTUNG	ETA: 11:45
TRANG-2		VNHS FLIGHT: TM25/2840	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TUAN DAT	TD3	07	1	10			81	XAYLAP	Vietnamese
2	LE XUAN HIEN	TD3	79	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOANG	TD3	08-09	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TAN	TD3	10-11	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
5	DUONG THANH TUAN	TD3	01-02	2	18			57	XAYLAP	Vietnamese
6	DO NGOC TAM	CLO	14	1	16	1	16	89	XAYLAP	Vietnamese
7	HA MẠNH CUONG	CLO	19-20	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN DUC LOI	CLO	09-10	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
9	LUONG VAN THUC	CLO	11	1	11			78	XAYLAP	Vietnamese
10	LE DINH DO	CLO	07	1	10	1	16	74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VIET DUC	CLO	15-16	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
12	VU VAN TRUNG	CLO	12	1	10	1	14	73	XAYLAP	Vietnamese
13	LE CONG THUONG	CLO	21-22	2	16			76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN TAI	CLO	17-18	2	9			74	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN Y	CLO	05	1	10	1	13	67	XAYLAP	Vietnamese
16	TO HUU THANG	TD5	81-82	2	15	2	40	83	ĐANG KIEM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	5	343	8	74	0	0	0		
2	CLO	10	729	15	141	4	59	11		
3	TD5	1	83	2	15	2	40	11		
TOTAL		16	1.155	25	230	6	99	22		
WEIGHT KG			1.155		230		99			

GRAND TOAL: 1.484 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHẠM THÁI SƠN

